

Bản án số: 41/2022/HS-ST
Ngày: 15-4-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Ngọc Thành và ông Lê Đình Khôi

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Xuân Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Luật – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 29/2022/TLST-HS ngày 15 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2022/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Tấn T – sinh năm 1987, tại Đồng Nai

Nơi cư trú: Khu x, thị trấn T.T, huyện T.P, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa (học vấn): 01/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Tấn H (đã chết) và bà Nguyễn Thị Thu H – sinh năm 1957; Chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 27/10/2011, bị Công an huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai đưa vào Cơ sở giáo dục với thời hạn 24 (Hai mươi bốn) tháng theo Quyết định số 2826 ngày 20/10/2011 của UBND huyện T.P, tỉnh Đồng Nai; Ngày 13/02/2015, bị Tòa án nhân dân huyện T.P, tỉnh Đồng Nai xử phạt 08 (Tám) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đến ngày 22/6/2015 chấp hành xong hình phạt tù;

Bị bắt tạm giam từ ngày 17/01/2022. (Có mặt)

- Bị hại: Ông Nguyễn Văn Th – sinh năm 1982 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu x, thị trấn T.T, huyện T.P, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị H – sinh năm 1970 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu y, thị trấn T.T, huyện T.P, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Tấn T là đối tượng nghiện ma túy, không có nghề nghiệp ổn định.

Vào 18 giờ 30 phút ngày 27/12/2021, Nguyễn Tấn T đi bộ trên đường Trương Công Đ thuộc Khu x, thị trấn T.T, huyện T.P, tỉnh Đồng Nai. Khi đến khu vực nhà nghỉ “H.G” tài thấy nhiều khung giàn giáo bằng sắt của ông Nguyễn Văn Th đang dựng tại chân cột điện không có người trông coi nên Tài nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để lấy tiền tiêu xài cá nhân và mua ma túy sử dụng. Theo đó, Tài đã lấy trộm 02 khung giàn giáo đem đến tiệm thu mua phế liệu của bà Phạm Thị H (ở Khu 5, thị trấn T.T, huyện T.P) và bán cho bà Hằng được số tiền 170.000 đồng. Khoảng 01 giờ ngày 28/12/2021, Tài tiếp tục lấy trộm 04 khung giàn giáo và cũng đến tiệm phế liệu bán cho bà Hằng được số tiền 320.000 đồng. Sau đó, Tài tiếp tục quay lại lấy trộm 02 khung giàn giáo và đem đến tiệm phế liệu bán cho bà Hằng được số tiền 170.000 đồng. Như vậy, từ 18 giờ 30 phút ngày 27/12/2021 đến 01 giờ ngày 28/12/2021, Nguyễn Tấn T đã lấy trộm của ông Th tổng cộng 08 khung giàn giáo và đem đến tiệm phế liệu của bà Hằng, bán được số tiền 660.000 đồng và đã sử dụng tiền để tiêu xài cá nhân. Sau khi bị mất tài sản, ông Th trình báo với cơ quan công an và vụ án đã được điều tra làm rõ.

Tại cơ quan điều tra, T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 07/KL-HĐĐGTS ngày 04/01/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tân Phú xác định: 08 khung chân giàn giáo đã qua sử dụng có giá trị còn lại là 2.360.000 đồng.

Theo Cáo trạng số 39/CT-VKSTP-ĐN ngày 15/3/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú đã truy tố bị cáo Nguyễn Tấn T về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn T mức án 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Về trách nhiệm dân sự, ông Nguyễn Văn Th đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường nên không đề nghị xem xét. Đối với số tiền 660.000 đồng bà Phạm Thị H không yêu cầu bị cáo bồi thường, đây là số tiền mà bị cáo có được từ việc bán tài sản do trộm cắp tài sản mà có, đây là khoản tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội, nên đề nghị buộc bị cáo phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản, đồng ý với tội danh, mức hình phạt mà Viện kiểm sát đã truy tố, đề nghị là tương xứng đối với bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo không trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Phú, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú:

Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Tại phiên tòa, bị cáo không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ như Biên bản bắt bị can để tạm giam, Kết luận định giá, biên bản khám nghiệm hiện trường, Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu... Như vậy, đã có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định:

Vào khoảng từ 18 giờ 30 phút ngày 27/12/2021 đến 01 giờ ngày 28/12/2021, tại Khu x, thị trấn T.T, huyện T.P, tỉnh Đồng Nai Nguyễn Tấn T có hành vi lén lút trộm cắp tài sản của ông Nguyễn Văn Th tổng cộng 08 khung giàn giáo đã qua sử dụng có giá trị còn lại là 2.360.000 đồng.

Hành vi của Nguyễn Tấn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thể hiện thái độ thành khẩn khai báo. Ngoài ra còn xem xét tài sản đã được thu hồi trao trả cho chủ sở hữu, bị hại không yêu cầu bồi thường thiệt hại. Tình tiết giảm nhẹ của bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Bị cáo có nhân thân xấu: Ngày 27/10/2011, bị Công an huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai đưa vào Cơ sở giáo dục với thời hạn 24 (Hai mươi bốn) tháng theo Quyết định số 2826 ngày 20/10/2011 của UBND huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; Ngày 13/02/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xử phạt 08 (Tám) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đến ngày 22/6/2015 chấp hành xong hình phạt tù.

[6] Căn cứ quyết định hình phạt:

Bị cáo là người đã thành niên nhận thức đầy đủ về hành vi của mình, còn trẻ nhưng do nghiện ma túy, vì muốn có ma túy để sử dụng thỏa mãn cho nhu cầu bản thân và có tiền tiêu xài cá nhân nên đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, với lỗi cố ý. Bản thân bị cáo đã từng bị xét xử năm 2015 về tội chiếm đoạt tài sản; tuy nhiên bị cáo không thay đổi, tu dưỡng bản thân mà lại tiếp tục hành vi chiếm đoạt tài sản, thể hiện thái độ không ăn năn hối cải, ý thức chấp hành pháp luật kém. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an, an toàn xã hội tại địa phương.

Do đó, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng cho bị cáo mức án nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo tự rèn luyện ý thức chấp hành pháp

luật, tu dưỡng bản thân trở thành người công dân tốt sống có ích cho xã hội, đồng thời góp phần rửa đen, phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, do bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ như trên nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện chính sách nhân đạo pháp luật của Nhà nước.

[7] Về áp dụng hình phạt bổ sung: Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra, đồng thời xem xét tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo, thể hiện bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về biện pháp tư pháp:

Về trách nhiệm dân sự: Đối với số tiền 660.000 đồng, bà Phạm Thị H không yêu cầu bị cáo bồi thường, đối với ông Nguyễn Văn Th đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường; nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả cho ông Th 08 khung giàn giáo là phù hợp với quy định của pháp luật, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với số tiền 660.000 đồng mà bị cáo có được từ việc bán tài sản do trộm cắp tài sản mà có, đây là khoản tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội, nên Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[9] Các vấn đề khác: Đối với bà Phạm Thị H là người mua tài sản là 08 khung giàn giáo từ bị cáo, nhưng bà Hằng không biết tài sản do trộm cắp mà có, không có căn cứ để xử lý về hình sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[11] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là hơi nặng so với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.
- Khoản 2 Điều 106, Khoản 2 Điều 136, Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;
- Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tấn T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn T 10 (Mười) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/01/2022.

2. Buộc bị cáo Nguyễn Tấn T phải nộp số tiền 660.000đ (Sáu trăm sáu mươi nghìn đồng) để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

3. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Tấn T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát ND huyện Tân Phú;
- Công an huyện Tân Phú;
- Chi cục THA dân sự huyện Tân Phú;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thanh Tùng